



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No. 32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 37817289 Fax: 028 37817375

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng *Pioneer Shipbrokers* có trên iOS và Android. Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 49/ 2018

04/12/2018-10/12/2018

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần này chỉ số BDI vẫn giữ ở mức 1.200 điểm nhưng không có giao dịch mua bán tàu handysize hay bách hóa thành công nào được ghi nhận. Các tàu handysize dưới 10 tuổi đang chào bán nhiều nhưng ít người Mua do giá phải từ 8.5 triệu đô la Mỹ trở lên. Trong khi đó, nhu cầu mua các tàu handysize đóng 2001-2006 tương đối nhiều thì lại rất ít tàu chào bán. Các tàu già trên 20 tuổi thì càng không có giao dịch, ngoại trừ tàu chở được gỗ và giá phải rẻ (dưới 4 triệu) thì mới có người Mua Trung Quốc quan tâm.

Ở mảng tàu dầu, nhìn chung thì thị trường thuê đang có dấu hiệu được hồi phục vào những tháng cuối năm và đặc biệt là đối với phân khúc tàu dầu thô. Cước thuê tàu tăng nhanh là nguyên nhân chính khiến cho nhiều chủ tàu quyết định tạm rút khỏi thị trường mua bán. Theo ghi nhận, tàu cỡ MR – High Trader (49.990 dwt đóng 2015 Hàn Quốc) đã được chủ tàu d'Amico Tankers ký kết bán cho người mua Nhật với mức giá 27 triệu đô la Mỹ (theo hợp đồng thuê 10 năm BBHP). Ngoài ra, chủ tàu Nhật – Nagashiki Shipping cũng đã giao dịch bán tàu Maersk Mizushima (45,996 dwt đóng 2009 Nhật) với giá 16 triệu đô la Mỹ, bằng với mức giá giao dịch của tàu High Pearl (48,000 dwt đóng 2009 Nhật) được bán 2 tuần trước đó.

Danh sách tàu được ghi nhận bán trong tuần qua:

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
Frontier Coronet	2011	Japan	182,674	Greek, Unisea Shipping	29.00	
Five Stars Beijing	2010	Japan	181,417	UK, Alpha	23.10	Auction sale
Shagang Hongchang	2011	Korea	179,469	Greek	30.00	enbloc with Shagang Hongfa
Shagang Hongfa	2011	Korea	179,469		30.00	enbloc with Shagang Hongchang
Amorito	2012	Korea	179,322	Korean, Glovis	32.50	
Mercury Ocean	2008	Japan	53,452	Undisclosed	11.30	
Zebra Wind	2009	Japan	50,820	Undisclosed	Undisclosed	
TANKERS						
Navion Scandia	1998	Spain	126,749	Monaco, Andromeda	Undisclosed	
Gulf Valour	2013	Korea	114,900	Greek	32.40	enbloc with Gulf Vison
Gulf Vision	2012	Korea	114,900		31.60	enbloc with Gulf Valour

Singapore River	2009	Japan	115,126	Greek, Roswell Tankers,	23.25	
King Darwin	2007	China	73,604	Singaporean, Clearlake	13.00	
High Trader	2015	Vietnam	49,990	Japanese	27.00	Blt at Hyundai-Vinashin
Maersk Mizushima	2009	Japan	45,996	Undisclosed	16.00	
Nordic Ruth	2000	Korea	35,820	Undisclosed	5.50	Chemical IMO II/III, epoxy coated, SS/DD Apr 2020
CONTAINERS						
Catharina Schulte	2006	Korea	34,457	UK, Tufton Oceanic	13.00	2,602 teu, Cr 4x45t, fully cellular, SS/DD Jan 2021
OTHERS						
Lewek Snipe	2006	Singapore	2,463	Vietnamese	Undisclosed	AHTS, 6,118 bhp

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	185.00	10	Hyundai, Korea	Cardiff	2020	
LNG	174,000 cbm	185.00	2	Samsung, Korea	NYK	2021	
LNG	174,000 cbm	185.00	2	Daewoo, Korea	BW Gas	2021	
Bulkers	158,000 dwt	63.50	4	Hyundai, Korea	Turkey, Ciner	2021	
Bulkers	63,500 dwt	26.50	2	New Times, China	Pan Ocean	2020	
Bulkers	63,500 dwt	31.00	1	Kawasaki, Japan	Wisdom Marine	2020	
Bulkers	61,000 dwt	29.00	1	Kawasaki, Japan	Wisdom Marine	2020	

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1 Thị trường thuê tàu hàng khô:

Phân khúc tàu **Panamax** vẫn tương đối ổn định trong tuần này, kết thúc tuần ở mức 11.748 đô la Mỹ, tăng nhẹ so với mức đóng cửa tuần trước là 11.694 đô la Mỹ. Tại Thái Bình Dương, Oldendorff chốt Honest Sky (95.719 dwt, 2013) nhận tàu tại Hitachinaka cho chuyến hàng gấp đi Roberts Bank sau đó trả tàu tại Japan với giá 15.000 đô la Mỹ. Coral Sapphire (76.627 dwt, 2006) nhận chuyến hàng chở than từ Kawasaki đi qua NoPac sau đó trả tại Singapore-Japan với giá 11.000 đô la Mỹ. Tàu Rising Himeji (88.888 dwt, 2017) được Ssangyong chốt nhận tại Kinuura đi qua Newcastle và trả tại Korea với giá 13.800 đô la Mỹ. Ở Đại Tây Dương, Klaveness chốt Maha Aarti (77.250 dwt, 2006) nhận tàu tại New Orleans chở ngũ cốc đi Egypt và trả lại tại Passero ở mức 13.500 đô la Mỹ cộng thêm 350.000 đô la Mỹ bb. Oldendorff chốt Jing Lu Hai (77.927 dwt, 2015) nhận tàu tại Gibraltar cho chuyến đi qua Kamsar và trả tàu tại Stade với giá 13.500 đô la Mỹ. Về thị trường thuê các chuyến một chiều, Captain George (82.140 dwt, 2013) được chốt nhận tại Rio Grande cho chuyến đi Indonesia với giá 15.250 đô la Mỹ cộng với 525.000 đô la Mỹ bb. Trong khoảng thời gian này, SDTR chốt Marianne







Stoeger (81.402 dwt, 2011) nhận tàu tại Zhanjiang và khai thác trong vòng 5 đến 8 tháng sau đó trả tại khu vực bất kì với giá 11.900 đô la Mỹ.

Phân khúc tàu **Supramax** đóng cửa tuần ở mức 10.725 đô la Mỹ, giảm so với mức chốt tuần trước 10.915 đô la Mỹ. Thị trường **Handy** đóng cửa tuần ở mức 9.025 đô la Mỹ, cũng giảm so với tuần trước đóng cửa vào mức 9.043 đô la Mỹ. Mức cước phân khúc tàu Supras khá đa dạng ở khu vực Đại Tây Dương. Klaveness chốt Sunleaf Grace (61.683 dwt) chốt nhận tàu tại Southwest Pass chở than đi Egypt với giá 21.750 đô la Mỹ. Báo cáo cho thấy rằng với cùng size tàu trên mức cước ở khu vực Đông Địa Trung Hải tỏ ra dễ chịu hơn chút ít. Tuy nhiên đó lại là một chuyện khác khi so sánh với khu vực Thái Bình Dương khi mức cước ở đây tăng khá cao. Tàu Red Azalea (61.299 dwt, 2015) được chốt nhận tại Qinzhou đi qua Indonesia và trả tại China với mức 10.000 đô la Mỹ. Asia Zircon I (53.661 dwt, 2011) được Norvic chốt nhận tại Samarinda đi Indonesia và trả tại Thái Lan với mức 10.250 đô la Mỹ. Với phân khúc Handys, mức cước diễn ra khá ổn định ở Đại Tây Dương, tuy nhiên cước tại Thái Bình Dương lại tiếp tục giảm. NYK chốt Brunswick (34.147 dwt, 2012) nhận tại Brunswick chở gỗ pellet đi UK/Continent với giá 15.000 đô la Mỹ. Bright Star (34.529 dwt, 2011) được chốt nhận tại Canakkale qua Black Sea và trả tại Spain với giá 13.750 đô la Mỹ. Miss Simona (34.000 dwt, 2010) được chốt nhận tại Casa đi Black Sea với giá 9.850 đô la Mỹ. Tại Thái Bình Dương, Hamburg Way (39.376 dwt, 2016) nhận tàu tại Surabaya đi Australia và trả tại South Korea với giá 15.000 đô la Mỹ. Đối với thị trường thuê định hạn, EM Sapphire (54.768 dwt, 2009) được chốt nhận tại Zhoushan trong vòng 4 đến 6 tháng cho mục đích khai thác quốc tế với mức cước 9.750 đô la Mỹ.

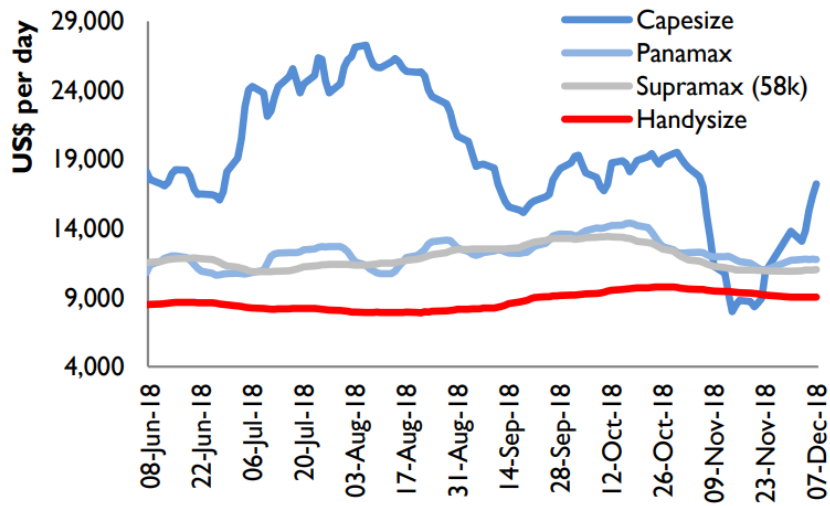
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 49 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 49	TUẦN 48	Mức thấp nhất năm 2018 (cập nhật tới Tuần 49)	Mức cao nhất năm 2018 (cập nhật tới Tuần 49)
TRANSATLANTIC RV	13,600	13,400	7,100	16,000
TCT CONT/F.EAST	20,000	19,800	15,000	23,000
TCT F.EAST/CONT	3,950	3,900	3,900	5,200
TCT F.EAST RV	9,400	9,000	8,300	13,750
RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	15,600	15,300	11,000	16,000
PACIFIC RV	7,500	7,500	7,500	12,500
TCT CONT/F.EAST	17,500	17,500	16,000	20,500

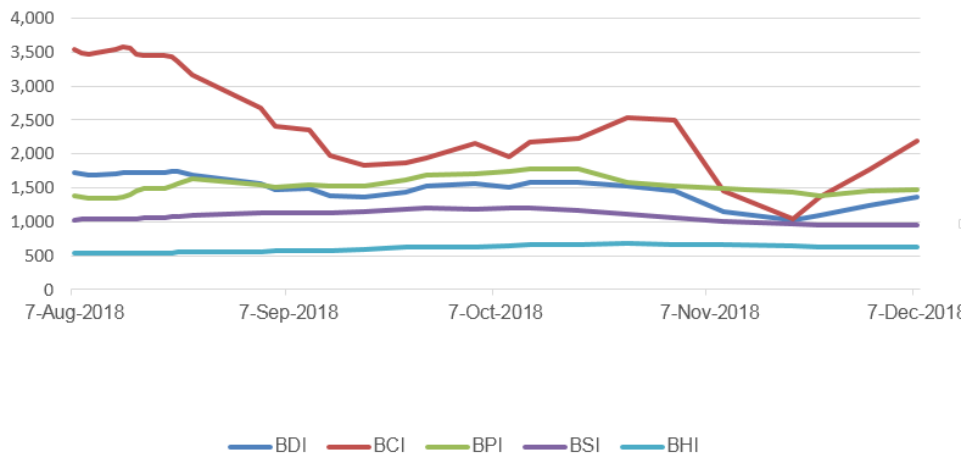
GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 07/12/2018

	US\$/ngày	 / 	
CAPE SIZE	17,219		3,403
PANAMAX	11,748		54
SUPRAMAX	11,018		103
SMALL HANDY	9,025		18

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)



Chỉ số tàu thị trường hàng khô



3.2 Thị trường thuê tàu dầu:

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC:

Nhìn chung, các hoạt động của phân khúc tàu VLCC tiếp tục diễn ra sôi động trong tuần vừa qua. Theo ghi nhận, cước trung bình trên thị trường đang dao động quanh mức WS 95, tương đương với \$55k/ngày. Tiến dần vào những ngày cuối tuần, cước có dấu hiệu giảm nhẹ, tuy nhiên với nguồn cung tàu đang được thắt chặt như hiện tại thì các chủ tàu có rất nhiều cơ hội để ổn định cước trở lại.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
MEG/West	VLCC	43,5	41,0	16,0	43,5
MEG/Japan	VLCC	95,0	92,5	35,0	100,0
MEG/Singapore	VLCC	96,0	95,0	35,5	100,0
WAFR/EAST	260.000	97,5	90,0	37,5	97,5

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	VLCC	33.000	33.500	33.000	21.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Theo như dự báo, cước tại hai khu vực North sea và Baltic tăng mạnh trong tuần vừa qua do nhu cầu từ phía người thuê gia tăng. Xu hướng ổn định được tiếp diễn khi nguồn hàng trong tuần thứ 3 của tháng tại khu vực Baltic đang dần tham gia vào thị trường. Bên cạnh đó, cước ở hai khu vực Med và Bsea cũng đang có xu hướng tăng nhẹ. Theo ghi nhận, cước tại Med và Bsea đang lần lượt dao động quanh mức WS 200 và WS 190. Hiện tại, sự trì hoãn đang diễn ra tại Turkish Straits sẽ giúp cho thị trường cước ổn định hơn trong thời gian tới.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
N.Afr/Euromed	80.000	190,0	172,5	75,0	190,0
UK/Cont	80.000	165,0	127,5	90,0	165,0
Caribs/USG	70.000	115,0	162,5	80,0	260,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	Aframax	18.000	17.500	18.000	13.500

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Thị trường tàu MR ở khu vực phía đông đang có dấu hiệu phục hồi trong một vài ngày gần đây, cước có dấu hiệu tăng nhẹ trên hầu hết tất cả các tuyến. Theo tổng hợp, cước trên từ khu vực WC.India đi Japan tăng 10 điểm lên mức WS 170. Tại khu vực Far East, cước trên tuyến S.Korea/Japan cũng đang giao động quanh mức \$400'.

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Theo ghi nhận, thị trường tàu MR hoạt động ở khu vực phía tây có nhiều khởi sắc trong tuần vừa qua do nhu cầu tăng mạnh từ phía người thuê. Cước trên tuyến UKC/USAC tăng mạnh lên mức WS 205. Đối với chiều ngược lại từ khu vực USG, cước cũng đang cân bằng ở mức WS 205.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
WCI/Japan	35.000	170,0	160,0	110,0	160,0
UKC-Med/States	37.000	205,0	150,0	100,0	165,0
USG/UKC-Med	38.000	205,0	155,0	67,0	155,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	MR	13.500	13.000	14.000	13.000

3. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	420		430	
2	India	415		420	
3	Pakistan	405		415	
4	Turkey	270		280	
5	China	150		160	

(đơn vị tính : usd/lt ldt)
(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 49/2018

Tên tàu	Loại tàu	Năm Đóng	Lt LDT	Nước phá dỡ	Giá (US\$/lt ldt)	Dwt	Comments
Belokamanka	Tanker	1980	51,461	India	400.00	360,700	
Kota Jelita	Container	1997	7,426	Bangladesh	475.00	22,330	
Paul Abrao	Container	1996	7,404	Bangladesh	460.00	22,026	
Van Cherry	PCC	1994	13,826	Bangladesh	485.00	12,249	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.